

Chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ Latinh và tác động của nó trong thương mại và liên kết

C. JOSE ANGEL PEREZ GARCIA

1. Chủ nghĩa tự do mới, cuộc khủng hoảng và tác động của nó đối với Mỹ Latinh

Cuộc khủng hoảng này là một phần quan trọng nhất trong lịch sử Mỹ Latinh và Caribe những năm gần đây. Trong vòng một phần tư thế kỷ, qua các chính sách điều chỉnh mang sắc màu tự do mới đã được áp dụng tại khu vực này và hiện nay, ở nhiều nước người ta đang tranh luận để lựa chọn một trong hai giải pháp, hoặc thay đổi và tìm ra một giải pháp thay thế cho mô hình đó, hoặc tiếp tục những thất bại của chủ nghĩa tự do mới.

Kể từ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ trước, khủng hoảng của mô hình tự do mới đã có những biểu hiện rất rõ tại khu vực với nhiều mức độ khác nhau và tác động của nó là không thể che giấu được; hai trụ cột chính của mô hình này là trụ cột tư tưởng và trụ cột chính trị đã không thể duy trì nổi chức năng tư bản chủ nghĩa, đặc trưng của các chính phủ khu vực cho tới nửa đầu của thập kỷ này.

Nếu cuộc khủng hoảng này chưa phải là dấu chấm hết cho mô hình tự do mới, thì nó cũng cho thấy mô hình này đã hết tác dụng và không còn chức năng kinh tế và “hiệu quả tư tưởng” như đặc trưng của nó.

Những hậu quả về mặt xã hội mà các chính sách tự do mới đưa lại cho Mỹ Latinh trong hai thập kỷ rưỡi qua cho thấy, về khía cạnh này thì mô hình tự do mới thực sự là một thảm họa.

Ngay cả Ủy ban Kinh tế Mỹ Latinh (CEPAL) cũng không thể che giấu nổi *mức độ nghèo đói* mà Mỹ Latinh đang phải hứng chịu. Từ năm 1990 đến năm 2004, số lượng người nghèo của Mỹ Latinh đã tăng từ 197,2

triệu người¹ (khoảng 45% dân số Mỹ Latinh lúc đó)² lên 224 triệu người (số lượng dự tính của CEPAL), chiếm khoảng 42,9% số dân³ và số lượng người sống dưới mức nghèo đói tăng từ 62 triệu người⁴ (khoảng 14,2% dân số)⁵ lên gần 100 triệu người, chiếm khoảng 18,4% dân số năm 2004⁶.

Cũng theo tính toán của CEPAL, nếu đúng là năm 2006, số lượng người nghèo giảm xuống còn khoảng 205 triệu người, trong đó có 79 triệu người sống dưới mức nghèo khổ thì con số này cũng chứng minh một cách rõ ràng rằng, các chính sách tự do mới đã thực sự thất bại, bởi sau 26 năm áp dụng các chính sách này, phần trăm người nghèo vẫn quay lại con số của năm 1980 chứ không hề giảm bớt.

Trong 35 năm gần đây (xem bảng 1), lượng người nghèo đói đã tăng thêm 100 triệu người và người sống dưới mức nghèo đói thêm 20 triệu người. Năm 2006, lượng người nghèo và dưới mức nghèo đói, theo thứ tự, chiếm khoảng 38,5% và 14,7%⁷ toàn bộ số dân 551 triệu người của Mỹ Latinh và Caribe⁸.

C. Jose Angel Perez Garcia, Ths, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế thế giới La Habana, Cuba.

1. Khoảng cách giàu – nghèo, Mỹ Latinh và Caribe và Hội nghị thượng đỉnh về xã hội, Sao Paulo, 1997, tr 18

2. Tính toán của tác giả trên cơ sở Thống kê hàng năm của CEPAL về Mỹ Latinh năm 1993.

3. CEPAL. Toàn cảnh xã hội Mỹ Latinh và Caribe. Santiago de Chile, 2004, tr 2.

4. CEPAL. Khoảng cách giàu – nghèo, Mỹ Latinh và Caribe và Hội nghị thượng đỉnh xã hội, Sao Paulo, 1997, tr 18.

5. Tính toán của tác giả trên cơ sở Thống kê hàng năm của CEPAL về Mỹ Latinh năm 1993.

6. Như trên, năm 2004.

7. CEPAL. Toàn cảnh xã hội Mỹ Latinh và Caribe. Santiago de Chile, 2006, tr 8.

8. CEPAL. Thống kê hàng năm của Mỹ Latinh và Caribe, Santiago de Chile, 2004 tr 8.

22% dân số Mỹ Latinh không được hưởng các dịch vụ cơ bản nhất; 9% không được hưởng các dịch vụ nước sạch⁹. Không có nơi nào trên thế giới, của cải lại tập trung trong tay một số ít người như vậy. Khoảng cách về thu nhập giữa 20% người có thu nhập cao và 20% số người có thu nhập thấp nhất trung bình là 19 lần¹⁰. Tuy nhiên, nhiều nước, khoảng cách chênh lệch còn lớn hơn nhiều. Các nước có chỉ số chênh lệch giàu-nghèo cao là: Bolivia (42,3 lần); Paraguay (27,8 lần); Colombia (25,3 lần); Brazil (23,7 lần) và El Salvador (20,9 lần)¹¹.

Từ góc độ kinh tế, mô hình này rất có hiệu quả đối với các công ty xuyên quốc gia, nhưng lại là một thảm họa đối với các chủ thể kinh tế trong nước (thị trường nội địa và thị trường địa phương), cũng như tầng lớp trung lưu, người lao động, nhân dân nói chung và Nhà nước - dân tộc, trong thực tế đã được cơ cấu lại nhằm phục vụ cho các công ty xuyên quốc gia.

Sau khi có được mức *tăng trưởng kinh tế* trung bình 3,3%¹² trong thập kỷ 90 - một chỉ số tăng trưởng tương đối khá nếu so sánh với thập kỷ 80, nhưng lại thấp hơn 2,6% nếu so với thập kỷ 70¹³; năm 2002 tình hình kinh tế rất thảm hại và GDP khu vực tăng trưởng - 0,5%¹⁴, trong khi GDP/đầu người giảm tới 2% so với năm 1997¹⁵.

Thậm chí ngay trong thời kỳ 2005-2006 là thời kỳ nền kinh tế Mỹ Latinh có tăng trưởng cao (xem bảng 2) thì đây cũng là tăng trưởng chất lượng thấp; tức là tăng trưởng về kinh tế không đi đôi với sự cải thiện về mặt xã hội; một sự tăng trưởng không bền vững, dễ tổn thương và chứa đựng nguy cơ suy giảm tăng trưởng vào năm 2007; do giá dầu lửa lên cao, lạm phát do giá nhiên liệu cao gây ra và tình hình chính trị toàn cầu không ổn định, đặc biệt là nguy cơ chiến tranh ở Trung Đông.

Trong vòng 45 năm gần đây, dân số Mỹ Latinh tăng gần gấp đôi, trong khi tăng trưởng kinh tế trung bình lại giảm gần 3% trong thời kỳ này; vì vậy, GDP/đầu người suy giảm nghiêm trọng (xem bảng 3).

Nếu tình trạng *lạm phát phi mã* của thập kỷ 80 và những năm đầu của thập kỷ 90 thế kỷ trước đã được chặn lại (xem bảng 4 và 5) thì có thể nói đây là thành công lớn nhất của mô hình tự do mới xét từ góc độ kinh tế. Tuy nhiên, việc giảm chỉ số lạm phát được thực hiện trên cơ sở thả nổi thị trường lao động, làm chỉ số thất nghiệp tăng nhanh và chất lượng việc làm cũng xuống cấp trầm trọng.

Nếu trong những năm 70 và 80, vấn đề lớn nhất cho người tiêu dùng (đặc biệt là người lao động và bộ phận xã hội dễ bị tổn thương nhất) là việc lên giá chóng mặt của hàng hóa thị trường, thì vấn đề bây giờ của họ là làm sao kiếm được một việc làm với mức lương có thể mua được những sản phẩm thiết yếu nhất cho đời sống của họ.

Bức tranh khủng hoảng ở Mỹ Latinh sẽ không hoàn chỉnh nếu không thêm vào vấn đề thiếu an toàn công dân, *tham nhũng*, mất lòng tin của phần lớn nhân dân vào thể chế tư sản, vào các đảng chính trị truyền thống. (Vấn đề thiếu an toàn công dân có thể thấy rõ ở bảng 6).

Một trong những scandal đầu tiên trong thời kỳ tự do mới ở Mỹ Latinh là vụ tham nhũng của tổng thống Brazil: Fernando Collor de Mello, bị Quốc hội đưa ra đối chất năm 1992 và bị phế truất ngay trong năm đó, và những chương cuối của nạn tham nhũng này - mặc dù không phải là duy nhất - là các vụ tham nhũng của các tổng thống Costa Rica: Rafael Angel Calderon (1990 - 1994)

9. UNDP. Báo cáo về phát triển con người. New York, 2006, tr 308.

10. Tidd, 1997, tr 62.

11. Tidd, 2006, tr 335-338.

12. CEPAL. Số liệu kinh tế Mỹ Latinh - Caribe, Santiago de Chile, 2000, tr 85.

13. CEPAL. Số liệu thống kê trên cơ sở thông tin chính thức do các chính phủ cung cấp. Tài liệu photocopy, tr 3 & 5 và tính toán của tác giả trên cơ sở các tài liệu đã nêu.

14. CEPAL. Số liệu kinh tế Mỹ Latinh - Caribe, Santiago de Chile, 2002, tr 107.

15. CEPAL. Nghiên cứu Kinh tế Mỹ Latinh - Caribe, 2001-2002, Santiago de Chile, tr 11.

và Miguel Angel Rodriguez (1998-2002).

Sự năng động của các chính sách điều chỉnh trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, đặc biệt là trong vấn đề trao đổi thương mại, là việc gia tăng xuất khẩu đi kèm với các chính sách hạn chế nhập khẩu, tạo điều kiện cho nhập siêu tăng trong cán cân thương mại và tạo điều kiện thuận lợi cho việc trả nợ nước ngoài.

Tuy nhiên, *xuất khẩu* Mỹ Latinh đang mất dần chỗ đứng trong thị trường quốc tế, do tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt bởi việc mở cửa thị trường trong nước cho hàng hóa nước ngoài, vấn đề trình độ lao động thấp của Mỹ Latinh, vấn đề hạ tầng cơ sở, tỷ giá hối đoái và việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa đến từ các nước khác (như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam đối với một số mặt hàng và các nước Châu Á khác); hàng hóa của các nước này đang nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường thế giới, đặc biệt là thị trường Mỹ-thị trường chính của hàng hóa Mỹ Latinh từ trước tới nay.

Trong thập kỷ 90 của thế kỷ trước và cho tới năm 2006, tăng trưởng kinh tế tại Mỹ Latinh và Caribe đã thúc đẩy nhập khẩu, làm giảm mạnh mức xuất siêu trong cán cân thương mại trong thời kỳ này.

Trong vòng 15 năm gần đây, cán cân thương mại của Mỹ Latinh có tới 10 năm liên tục bị thâm hụt (1992-2001) do việc thả nổi nhập khẩu; trong khi tăng trưởng bình quân của thời kỳ này chỉ đạt 3,2%. Chỉ khi các chính phủ Mỹ Latinh giảm nhập khẩu thì mới đạt được thặng dư thương mại. Điều này đã xảy ra trong các năm 1990, 1991 và thời kỳ 2003-2006.

Những thặng dư trong cán cân thương mại có tác động đáng kể tới số dư của tài khoản vãng lai; số dư này bị thâm hụt trong 13 năm liên từ năm 1990 đến 2002 và chỉ tăng trong vòng 4 năm gần đây (từ năm 2003 đến năm 2006).

Vấn đề thâm hụt trong cán cân thương mại và tài khoản vãng lai trong nhiều năm liền được bù đắp bởi thặng dư trong tài khoản vốn và tài chính và trong nhiều trường hợp được bù đắp bởi dự trữ ngoại tệ quốc tế. Trong thời kỳ áp dụng chính sách tự do mới, các chính phủ Mỹ Latinh và Caribe đã phải vay nợ nước ngoài để bù đắp cho những thâm hụt với bên ngoài và có những thỏa thuận, điều chỉnh về tài chính để có thể thực hiện các cam kết với các tổ chức tài chính quốc tế, chứ không phải để phát triển.

Theo số liệu của CEPAL, nợ nước ngoài của Mỹ Latinh và Caribe năm 1980 là khoảng 242,9 tỷ USD. Số nợ nước ngoài đó chiếm 208,8% xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của các nước này¹⁶. Tuy nhiên 1/4 thế kỷ sau đó, nợ nước ngoài của Mỹ Latinh lên tới 632,8 tỷ USD¹⁷; tức là nợ nước ngoài của Mỹ Latinh tăng gần 3 lần cho dù các nước này đã trả hàng trăm tỷ USD tiền gốc và lãi.

Trong vòng 35 năm gần đây, *nợ nước ngoài* của Mỹ Latinh đã tăng 24,4 lần (xem bảng 7) mà không đóng góp gì nhiều cho sự phát triển của khu vực. Thậm chí, tình hình tồi tệ hơn khi trong khoảng thời gian từ năm 1986 đến năm 2004, chỉ tính riêng dịch vụ nợ, Mỹ Latinh đã chuyển giao ra nước ngoài hơn hai nghìn tỷ USD¹⁸. Thậm chí trong khoảng thời gian ngắn hơn, từ năm 1990 đến năm 2004, dịch vụ nợ mà Mỹ Latinh phải trả đã gấp tới 66 lần tổng số nợ nước ngoài của khu vực năm 1970. Chỉ riêng lãi nợ trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 2004 đã gấp tới 2,6 lần tổng số nợ mà Mỹ Latinh đã trả vào năm 2005.

Dòng đầu tư nước ngoài tới Mỹ Latinh nở rộ trong thập kỷ 90 bởi làn sóng tư nhân hóa "vui vẻ" và vô trách nhiệm mà phần lớn

16. CEPAL. Mỹ Latinh – Caribe. Thống kê và chỉ số nợ nước ngoài thời kỳ 1970-1973, tr 21.

17. CEPAL. Báo cáo sơ bộ về kinh tế Mỹ Latinh – Caribe, Santiago de Chile, 2005, bảng A-18.

18. Osvaldo Martinez. Cái chết phức tạp của chủ nghĩa tự do mới. La Habana 2006.

các chính phủ khu vực tiến hành; nhưng làn sóng này đã giảm đáng kể sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng năm 2002 - 2003 và quỹ tư nhân hóa đã cạn kiệt. Cùng với thâm hụt trầm trọng về tài khoản vãng lai trong cán cân thanh toán, điều này đã làm cho khu vực chịu sự chuyển giao tài sản âm trong 7 năm liên.

Ngay cả trong những năm của thập kỷ 90, khi mà khu vực nhận được dòng đầu tư nước ngoài lớn nhất, lớn hơn nhiều so với thập kỷ 80, nhưng nguồn vốn đó đã không đảm bảo cho việc hồi phục chỉ số tích lũy trong nước và cũng không thúc đẩy việc tạo thêm công ăn việc làm trong các ngành sản xuất với chất lượng cao.

Về vấn đề *hội nhập*, trong các thập kỷ 60 và 70, được đặc trưng bởi sự hội nhập của các nước vào tổ chức CEPAL. Sự hội nhập này tập trung chủ yếu vào các thị trường trong nước (và đối với các nền kinh tế nhỏ là thị trường tiểu khu vực); sự ưu đãi cho các chủ thể kinh tế trong nước và trên khía cạnh thương mại được mở rộng trong phạm vi của một khối liên kết như trường hợp của khối Andino.

Mặc dù khối liên kết khu vực đó cũng không giải quyết được các vấn đề của Mỹ Latinh, nhưng cũng phải thừa nhận rằng khối liên kết này đã đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thời hậu chiến.

Cơ cấu của khối liên kết này không phải được thiết kế cho mô hình tự do mới; do vậy, sau khi khối này được củng cố về mặt kinh

tế, những giá trị ban đầu đã bị thay đổi, thúc đẩy việc thành lập một kiểu liên kết mới mang màu sắc tự do mới được đặc trưng bởi việc đơn phương mở cửa thị trường cho các dòng thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài, việc thả nổi thị trường lao động, tài khoản vốn, việc định hướng xuất khẩu ra thị trường thế giới, việc hội nhập một cách phụ thuộc vào các công ty xuyên quốc gia trong quá trình toàn cầu hóa v.v...

Mô hình liên kết mới được hình thành trên cơ sở của Sáng kiến cho Châu Mỹ (IPA) được tổng thống George Bush (Bush cha) bảo vệ vào năm 1991 và Khu vực tự do thương mại Châu Mỹ và các Hiệp định Tự do thương mại song phương giữa các nước Mỹ Latinh – Caribe với Mỹ mà bước đi đầu tiên là Hiệp định Tự do thương mại Bắc Mỹ (giữa Mỹ, Canada và Mexico) được ký kết và đi vào hoạt động năm 1994.

Trong phần lớn các năm của thập kỷ 90 của thế kỷ trước, dự án Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ và các Hiệp định Tự do thương mại song phương đã có những bước tiến thuận lợi mà không gặp bất cứ trở ngại nào. Tuy nhiên, kể từ năm 2001 đã xuất hiện một loạt các yếu tố có thể dẫn tới việc ngăn cản, thậm chí làm phá sản thiết kế ban đầu của Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ (mặc dù không làm phá sản bản chất của nó). Và đúng như vậy, Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ đã không được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh các nước Châu Mỹ và Hội nghị Thượng đỉnh các dân tộc tại Mar del Plata, Argentina tháng 11 - 2005.

BẢNG 1: Các yếu tố làm cản trở và phá sản dự án Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ

1. Sự giáo điều của Mỹ trong việc đàm phán các đề tài rất nhạy cảm đối với các nước Mỹ Latinh, như vấn đề các sản phẩm nông nghiệp, sở hữu tri thức và vấn đề môi trường.
2. Sự khủng hoảng của mô hình tự do mới.
3. Phản ứng của các dân tộc Mỹ Latinh được thể hiện trong chiến dịch đấu tranh chống việc thành lập Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ, trong Diễn đàn Xã hội thế giới, Diễn đàn của các Dân tộc Mỹ Latinh, trong các cuộc trưng cầu dân ý chống việc thành lập Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ (chủ yếu là trường hợp của Brazil).

4. Sự phản đối quyết liệt của các chính phủ cách mạng như Cuba, Venezuela, Bolivia và lập trường không đồng tình của các chính phủ Brazil, Argentina và Uruguay đối với ý định thành lập Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ.

5. Thất bại của các Hội nghị Thượng đỉnh và Hội nghị Bộ trưởng của Tổ chức Thương mại thế giới tại Seattle, Miami (Mỹ) và Cancun (Mexico).

6. Các mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản Brazil và Argentina với các công ty xuyên quốc gia Mỹ (chủ yếu là các đàm phán có liên quan tới các sản phẩm nông nghiệp).

Nguồn: Tác giả.

Mặc dù đã thất bại nhưng hiện nay chủ nghĩa tự do mới vẫn tiếp tục là chính sách kinh tế chủ yếu của phần lớn các nước Mỹ Latinh, ngoại trừ Cuba. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận những nỗ lực của các quá trình cách mạng – hoặc quá trình thay đổi - ở Venezuela, Bolivia và Ecuador nhằm phá bỏ mô hình và cơ cấu chủ nghĩa tự do mới. Điều này làm xuất hiện nhu cầu phải tìm ra một mô hình kinh tế thay thế - hay một số mô hình – có tính khả thi, bền vững và có hiệu quả để có thể đánh bại chủ nghĩa tự do mới.

2. Phản ứng của các chủ thể mong muốn được thay đổi trước cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ Latinh, từ sự phản đối của cánh tả và các phong trào xã hội đến các giải pháp thay thế

Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tự do mới còn được thể hiện từ góc độ chính trị với một số nước khu vực trong vòng 12 năm gần đây với sự tham gia của cánh tả mới và các phong trào xã hội. Sự phát triển của các phong trào chính trị cho thấy, cuộc đấu tranh chính đã có bước tiến mới về chất, được thể hiện ở cả 2 mức độ: trong từng nước và toàn khu vực.

Ở nhiều nước, phong trào xã hội phát triển mạnh và đã đưa ra được các giải pháp thay thế. Ở các nước khác, các lực lượng tiến bộ cũng đang hình thành các giải pháp thay thế mới của mình.

Từ góc độ từng nước, cuộc đấu tranh đã có bước tiến mới về chất ở Venezuela, Bolivia, Ecuador và Nicaragua với việc cánh tả và các phong trào xã hội tại các nước đó lên cầm

quyền; trong đó ở hai nước đầu đã xuất hiện mức độ đối kháng cao chống lại mô hình tự do mới.

Ở mức thứ hai là Brazil, Uruguay và Nicaragua. Quá trình chính trị ở ba nước này có sự khác nhau và mặc dù chúng ta chưa thấy chính phủ cánh tả ở các nước này có những bước đi tiến tới thay đổi mô hình hiện nay, nhưng họ đã có những chính sách xã hội vì lợi ích của các tầng lớp xã hội nhạy cảm nhất.

Kết quả của các cuộc bầu cử ở El Salvador, Peru, Colombia và Mexico đặt các nước này ở vị trí thứ 3. Tại các nước này phong trào phản đối chủ nghĩa tự do mới cũng có những bước tiến quan trọng, tuy chưa giành được chính quyền trung ương. Mặc dù mức độ phản đối chủ nghĩa tự do mới ở các mức độ khác nhau, nhưng tất cả đều cho thấy chủ nghĩa tự do mới đã đến hồi cáo chung.

Ở Guatemala (ứng cử viên tổng thống Rigoberto Menchu được Phong trào Winap và Đảng Cuộc gặp gỡ vì Guatemala ủng hộ) và Paraguay (Phong trào Chính trị Tekkokoa) phong trào phản đối chủ nghĩa tự do mới cũng có thể có bước phát triển mới, bởi cả hai ứng cử viên cánh tả đều đang có các điều kiện trong nước và khu vực hết sức thuận lợi và có khả năng thắng cử trong các cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 9-2007 ở Guatemala và năm 2008 ở đất nước Nam Mỹ.

Không ai có thể nghi ngờ về vai trò của cánh tả mới và các phong trào xã hội ở Mỹ Latinh như những chủ thể có thể đưa ra các giải pháp thay thế mới; tuy nhiên chúng ta cũng không nên quá lạc quan về những tác động của các quá trình này và càng không

nên nghĩ rằng chủ nghĩa tự do mới đã bị đánh bại hoàn toàn; bởi một mặt, mô hình đó vẫn có những cơ sở cho phép nó có thể tồn tại trước khủng hoảng; mặt khác, các chủ thể của quá trình thay đổi là một phong trào tập hợp nhiều đảng phái và phong trào chính trị khác nhau, vẫn đang trong quá trình phát triển và rất cần được tập hợp, được tuyên truyền và vận động để tiến tới xây dựng một giải pháp mà tính bền vững của nó có thể đẩy mô hình tự do mới tới thất bại hoàn toàn.

Từ góc độ khu vực, một trong những giải pháp thay thế rõ ràng nhất trước khủng hoảng của mô hình tự do mới là Giải pháp Bolivar cho Châu Mỹ (ALBA).

Giải pháp Bolivar cho Châu Mỹ là một giải pháp cụ thể mang tính khả thi để thay thế cho mô hình liên kết Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ và các Hiệp định Tự do thương mại song phương mang màu sắc tự do mới do Mỹ khởi xướng và đi đầu. Giải pháp Bolivar cho Châu Mỹ được xây dựng trên cơ sở lịch sử của khu vực, trên nguồn của cải và tài nguyên vô cùng phong phú của Mỹ Latinh và Caribe, trên quyết tâm chính trị của các lãnh tụ cách mạng cũng như lực lượng lao động có tay nghề và tri thức cao chủ yếu là ở Cuba – để đoàn kết với bất cứ dân tộc nào trên thế giới.

Có thể thấy Giải pháp Bolivar cho Châu Mỹ phát triển ở nhiều cấp độ và tốc độ khác nhau. Trong các cấp độ của ALBA, đáng chú ý nhất là cấp độ chính thức, hay nói cách khác, đó là sự liên kết quốc tế sâu rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, thương mại, tài chính, đầu tư, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế, năng lượng, thông tin, cơ sở hạ tầng và môi trường.

Cấp độ khu vực chính thức bao gồm các hiệp định, thỏa thuận giữa chính phủ các nước trên một số lĩnh vực kinh tế (như trường hợp hiệp định giữa Venezuela và Argentina về trao đổi thương mại; các hiệp định và hợp tác giáo dục giữa Venezuela và Brazil; các hiệp định thương mại và hợp tác

giáo dục giữa Venezuela và Uruguay). Cấp độ lãnh thổ chủ yếu là các liên kết tại khu vực biên giới giữa các nước và chủ yếu là tại các vùng biên giới giữa Venezuela và Brazil, Venezuela và Colombia và một cấp độ mới nữa là quan hệ giữa ALBA và các phong trào xã hội.

Cho tới nay, các thành viên chính thức của ALBA gồm Venezuela và Cuba (thành viên sáng lập từ tháng 12-2004); Bolivia (gia nhập ALBA tháng 4-2006) và Nicaragua (ngày 11-1-2007). Tháng 2 năm 2007, tổng thống của 3 nước vùng biển Caribe đã ký một Bản ghi nhớ với tổng thống Chavez về việc ra nhập ALBA của 3 nước này, 3 nước này là: Antigua và Barbuda, San Vicente và Las Granadinas và Mancomunidad de Dominica.

Các thành viên của tổ chức ALBA đều ý thức được rằng chủ nghĩa tự do mới không phải là mô hình có thể đóng góp tốt nhất cho sự phát triển của các nước. Trong thực tế, hòn đảo ở biển Caribe (Cuba) đang tiến hành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và đang trong quá trình hoàn thiện mô hình này, đã đạt được những thành tựu và hiệu quả rất đáng khích lệ. Đất nước của Bolivar (Venezuela) cũng đang xây dựng mô hình phát triển nội sinh, khác với mô hình tự do mới và Bolivia cũng đang trong quá trình thay đổi cơ cấu nền kinh tế để trong một thời gian ngắn có thể dứt bỏ mô hình tự do mới chính thống được áp dụng tại nước này từ trước tới nay.

Rõ ràng là ALBA là một mô hình liên kết thay thế khác về bản chất so với Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ và các Hiệp định Tự do thương mại song phương.

Trong thời điểm hội nhập kinh tế quốc tế của Mỹ Latinh và Caribe hiện nay, mô hình liên kết thay thế này vượt ra ngoài phạm vi trao đổi thương mại, mặc dù trao đổi thương mại là một phần quan trọng của mô hình liên kết này. Mô hình này mới tạo điều kiện thúc đẩy trao đổi thương mại có lợi cho tất cả các bên và đồng thời xây dựng một kiểu

liên kết và hợp tác mới đối lập và làm sâu sắc thêm cuộc khủng hoảng của mô hình tự do mới, tiến tới thủ tiêu mô hình này.

Mục tiêu của ALBA là hoàn toàn ngược lại với Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ và các Hiệp định Tự do song phương và đa phương kiểu tự do mới. Các mục tiêu này phải đáp ứng được một loạt các nguyên tắc thay thế cho mô hình cũ.

Các nguyên tắc quan trọng nhất là tôn trọng hiến pháp của mỗi nước, đối xử đặc biệt và ưu đãi đối với các quốc gia nhỏ và có trình độ phát triển kinh tế lạc hậu hơn; ngoài ra, cần phải cho các nước này một thời hạn dài hơn cho tới khi họ mở cửa hoàn toàn thị trường trong nước và điều này sẽ giúp các nước nhỏ và yếu hơn có thể phát triển hơn. Không nên coi sự đối xử đặc biệt và ưu đãi như một hình thức hỗ trợ cho các nước nhỏ, mà phải coi đó như một công cụ kích thích sự phát triển kinh tế, xã hội của các nước đó.

Một nguyên tắc quan trọng nữa là tính bổ sung giữa các quốc gia tham gia vào quá trình liên kết này, sự hợp tác giữa các quốc gia, sự hài hòa của các chính sách công giữa các bên cũng như sự kết hợp giữa nhà nước và thị trường trong việc chỉ đạo nền kinh tế nhằm mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội và nhân đạo.

Nguyên tắc quan trọng nhất của khối liên kết ALBA chính là tình đoàn kết, là sự hợp tác cùng có lợi giữa các dân tộc Mỹ Latinh và Caribe, điều này có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử gắn liền với các học thuyết tư tưởng của Simon Bolivar và Jose Marti. Theo các tư tưởng này thì một Mỹ Latinh tự do, thống nhất và hạnh phúc chỉ có thể đạt được thông qua tình đoàn kết. Khối liên kết ALBA không thể hoàn thành mục tiêu của mình nếu chỉ dựa vào các quan điểm kinh tế hàng hóa hay lợi ích, lợi nhuận ích kỷ.

Để đạt được các mục tiêu đề ra và hoạt động có hiệu quả trên cơ sở các nguyên tắc đã nói ở trên, cần phải củng cố các nguồn tích lũy từ bên trong, các chủ thể kinh tế trong nước và hiến pháp của một nhà nước hùng mạnh, hoạt động như một chủ thể dẫn dắt sự phát triển và có khả năng hoạch định và thực hiện thành công các chính sách công thông qua việc kết hợp giữa tính kiên định trong nguyên tắc với tính linh hoạt trong việc cụ thể hóa các nguyên tắc này ở mỗi nước.

Sau hơn 2 năm thành lập, ALBA đã có những thành tựu bước đầu rất khả quan mà vào giữa năm 2004 vẫn còn là mơ ước của nhiều người và không bao giờ đạt được dưới mô hình tự do mới.

BẢNG 2: Những kết quả chính của Giải pháp Bolivar cho Châu Mỹ

(Tới tháng 3 năm 2007)

Cho tới tháng 12-2006, đã có hơn 3000 bác sĩ và nhiều chuyên gia, nhân viên y tế Cuba đang làm việc tại hàng chục nước Mỹ Latinh và Caribe.

Cho tới tháng 12-2006 đã có hơn 20 triệu người được khám chữa bệnh.

Cho tới tháng 12-2006 đã có hơn 14.000 bệnh nhân Venezuela được khám bệnh tại Cuba.

Cho tới tháng 3-2007, đã có hơn 600.000 bệnh nhân được chữa hoặc mổ mắt trong khuôn khổ Chương trình Kỳ diệu.

Hơn 2 triệu người được xóa mù theo phương pháp “Vàng, tôi có thể”.

Hơn 10.000 sinh viên (phần lớn là các thanh niên nghèo) của Mỹ Latinh được Cuba cấp học bổng toàn phần để học y khoa tại Trường đại học Y Mỹ Latinh tại La Habana và các trường đại học y của các tỉnh Cuba khác.

3.000 sinh viên y khoa Mỹ Latinh đã tốt nghiệp trong hai năm 2005 và 2006 và hiện đang làm việc tại các nước quê hương họ.

5.000 sinh viên Bolivia (phần lớn là các sinh viên nghèo) đã được Venezuela cấp học bổng học tại Trường Đại học Quốc tế Caracas chuyên ngành hóa dầu và năng lượng.

Với sự giúp đỡ của Venezuela, tình trạng thiếu hụt năng lượng ở Nicaragua đã dần được giải quyết với việc lắp đặt 38 trạm phát điện nhỏ và việc Venezuela cung cấp dầu thô với các điều kiện thanh toán ưu đãi. (ALBANIC).

Hàng chục nước Mỹ Latinh và Caribe được hưởng ưu đãi trong việc mua dầu thô trong khuôn khổ của Hiệp định Năng lượng Caracas và chương trình PETROCARIBE.

Hàng nghìn huấn luyện viên trong lĩnh vực thể dục, thể thao mà phần lớn là người Cuba hiện đang làm việc tại Venezuela giúp nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và chất lượng cuộc sống cho những người nghèo của nước này.

Nhiều hiệp định thương mại giữa Venezuela với Cuba, Argentina, Brazil, Bolivia, Nicaragua, Uruguay đã được ký kết.

Giúp đỡ xây dựng nhà máy lọc dầu tại Ecuador.

Tổ chức các liên hoan trong khuôn khổ ALBA (lần đầu tiên được tổ chức tại Cuba năm 2005 và lần thứ 2 tại Venezuela tháng 4-2007).

Đã thành lập Truyền hình Phương Nam, Đài phát thanh Phương Nam.

Đã thành lập Quỹ văn hóa ALBA.

Đã thành lập Nhà xuất bản ALBA.

Đã thành lập Ngân hàng Phương Nam.

Nguồn: <http://www.fundacionpueblo.org>. <http://www.tiempo21.islagrande.cu>. <http://www.es.wikipedia.org>. <http://www.rebelion.org>. <http://www.redtinku.or>. Granma. La Habana, 19-1-2007. Granma. La Habana, 4-5-2007.

3. Kết luận

Tại Mỹ Latinh đang diễn ra một quá trình chính trị và mặc dù vẫn còn nhiều hạn chế nhưng đây là một quá trình được bắt nguồn từ các yếu tố văn hóa, triết học, lịch sử, chính trị, xã hội, kinh tế của khu vực và đang trở thành niềm hy vọng để có thể tiến hành những thay đổi sâu sắc, phá vỡ sự bá quyền của chủ nghĩa đế quốc ở khu vực.

Với quá trình này, ở Mỹ Latinh đang hình thành một giải pháp thay thế; điều này không chỉ được thể hiện tại các bài diễn văn của các lãnh tụ cánh tả, mà còn thông qua các chính sách xã hội mà các chính phủ cánh tả tiến hành và ở mức độ nào đó các chính sách kinh tế quan trọng. Điều này có nghĩa là giải pháp về mặt kinh tế còn nhiều hạn chế so với giải pháp trong các lĩnh vực khác. Do tầm quan trọng của một giải pháp kinh tế bền vững ưu việt hơn chủ nghĩa tự do mới, nên việc xây dựng giải pháp kinh tế thay thế này là một trong những thách thức lớn nhất của các phong trào xã hội, của cách tân mới Mỹ Latinh và của các học giả cách mạng khu vực.

Tuy nhiên, các lực lượng cánh tả đã có một giải pháp đang được hình thành; đó chính là ALBA, một hình thức liên kết và hợp tác mà mặc dù còn nhiều thách thức trước mặt, nó cũng đã cho ra đời một loạt các nguyên tắc cơ bản cho phép tận dụng được các thời cơ mà thị trường khu vực và thế giới đem lại trong tiến trình toàn cầu hóa hiện nay và bước đầu đã có những kết quả cụ thể đáng khích lệ, góp phần làm trầm trọng hơn cuộc khủng hoảng của Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ, của chủ nghĩa đế quốc đã thất bại hoàn toàn ở Châu Mỹ bởi các Hiệp định Tự do thương mại song phương còn khủng khiếp hơn là Khu vực Tự do thương mại Châu Mỹ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. PMI. Word Economic Outlook, Washington DC. Một số năm
2. PNUD. Báo cáo về phát triển con người. New York. Một số năm.
3. Tuyên bố chung Cuba – Venezuela về ALBA. Tháng 12 năm 2004.
4. Văn phòng Thống kê quốc gia Cuba. Thống kê hàng năm của Cuba La Habana. Một số năm.
5. The CIA World Fact Book, 2005 và 2006.
6. Báo Grama, ngày 19-1-2007, La Habana, Cuba.

7. Ngân hàng Trung ương Venezuela. Thông điệp cuối năm của Ngân hàng Trung ương Venezuela. 16-1-2007. (<http://www.inosanches.com>).

8. Số liệu và sự kiện, 2006. Hợp tác Cuba trên khắp đất nước, 15-8-2006. (<http://www.fundacionpueblo.org>).

9. Bầu cử Tổng thống ở Venezuela năm 2006, 12-12-2006. (<http://www.es.wikipedia.org>).

10. Granma, 2006, Báo Granma, La Habana, Cuba, 6/2 và 7-9-2006.

11. Triển vọng kinh tế, 2006. Thăm dò quý về triển vọng kinh tế 2006-2007, tháng 10-2006. (<http://www.bch.hn>).

12. Dầu lửa. Sembrando Emancipacion. 12-3-2006. Trang web Rebelion.internet.

Phụ lục:

BẢNG 1: Chỉ số nghèo đói và dưới nghèo đói ở Mỹ Latinh và Caribe từ năm 1970 đến năm 2005

Chỉ số	1970	1980	1990	2000	2003	2004	2005
Dân số (triệu người)	279840	354847	436341	515116	535377	543234	551056
Người nghèo (triệu người)	113	135,9	195,9	224,0	226,0	222,0	209
Người nghèo/số dân (phần trăm)	40,3	38,0	44,9	43,4	44,3	42,9	39,8
Dưới nghèo (triệu người)	60,0	62,4	92	93	100	96	81
Dưới nghèo/dân số (phần trăm)	21,4	17,4	21,3	18	19,6	18,6	15,4

Nguồn: - CEPAL: Thống kê hàng năm Mỹ Latinh và Caribe, Santiago de Chile, 1993, tr169; 2000, tr 173; 2004, tr 183; 2004, tr 5; 2006. Phần giới thiệu. tr 5.

- CEPAL: Khoảng cách giàu nghèo, Mỹ Latinh và Caribe và Hội nghị thượng đỉnh xã hội, 1997, tr 28 & 31.

- Osvaldo Sunkel. Phát triển từ bên trong. Một cách nhìn từ góc độ chủ nghĩa cơ cấu mới đối với Mỹ Latinh. Quỹ Kinh tế văn hóa. Mexico, tr 70.

- Alfredo E. Calgagno và Alfredo F. Calgagno. Thế giới tự do mới. Nxb Alianza. Madrid/Buenos Aires, tr 188.

- Mỹ Latinh. Tổng kết 2006. (<http://www.neus.bbc.co.uk>) 25-12-2006.

BẢNG 2: Tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm, những thập kỷ và 2 năm cuối

Thập kỷ 60	Thập kỷ 70	Thập kỷ 80	Thập kỷ 90	2000	2005	2006
5,6	5,9	1,0	3,0	3,9	4,3	5,3

BẢNG 3: Tăng trưởng GDP/dầu người trung bình hàng năm, những thập kỷ và 2 năm cuối
(chỉ số hàng năm)

Thập kỷ 60	Thập kỷ 70	Thập kỷ 80	Thập kỷ 90	2000	2005	2006
2,8	3,3	-0,9	1,5	2,3	2,8	3,8

Nguồn: - CEPAL. Con số thống kê trên cơ sở báo cáo chính thức của các Chính phủ. Tài liệu photocopy.

- CEPAL. Báo cáo sơ bộ về kinh tế Mỹ Latinh và Caribe, Santiago de Chile. 2006. Bảng A-3.

BẢNG 4: Lạm phát trung bình năm 1982 đến năm 2005
(trung bình năm)

1970-1974	1982	1985	1990	1995	2000	2005	2006
23,0	85,6	274,1	1186,3	25,8	9,0	6,1	4,8

Nguồn: - CEPAL. Báo cáo sơ bộ về kinh tế Mỹ Latinh và Caribe, Santiago de Chile, 1983, bảng 5, tr12; 1991, bảng 5, tr42; 2000, bảng A-4; 2006, bảng A-23;
- CEPAL. Con số thống kê trên cơ sở báo cáo chính thức của các chính phủ. Tài liệu photocopy.

BẢNG 5: Thất nghiệp trung bình năm tại các thành phố
(chỉ số trung bình năm)

Thập kỷ 60	Thập kỷ 70	Thập kỷ 80	Thập kỷ 90	2000	2005	2006
3,8	3,9	5,8	7,5	10,4	9,1	8,7

Nguồn: - CEPAL. Con số thống kê trên cơ sở báo cáo chính thức của các chính phủ. Tài liệu photocopy.
- CEPAL, Báo cáo sơ bộ về kinh tế Mỹ Latinh và Caribe, Santiago de Chile, 1999, bảng A-4, tr92; 2006, bảng A-22.

BẢNG 6: Chỉ số nạn nhân của tội phạm tại các thành phố chính ở Mỹ Latinh

Nước	Thành phố	Tổng tội phạm	Tội phạm số hữu	Trộm cắp	Hiếp dâm	Bạo lực	Hối lộ
Paraguay	Asuncion	34,4	16,7	6,3	1,7	0,9	13,3
Argentina	Buenos Aires	61,1	30,8	6,4	6,4	2,3	30,2
Colombia	Bogota	54,6	27,0	11,5	4,8	2,5	19,5
Bolivia	La Paz	39,8	18,1	5,8	1,5	2,0	24,2
Brazil	Rio de Janeiro	44,0	14,7	12,2	7,5	3,4	17,1
Costa Rica	San Jose	40,4	21,7	8,9	3,5	1,7	9,2

Nguồn: UNDP. Báo cáo về phát triển con người. New York, 2006, tr 361.

BẢNG 7: Nợ nước ngoài của Mỹ Latinh và Caribe từ năm 1970 đến năm 2006

	1970	1980	1985	1990	1995	1999	2000	2005	2006
Nợ nước ngoài (triệu USD)	27810	241932	386868	417378	616919	762018	739930	679183	632849
Nợ/GDP(%)	17,2	34,1	58,8	39,6	36,8	42,2	38,9	27,1	24,0
Nợ/xuất khẩu(%)	120,7	202,3	365	292	225	211	172	101	83
Lãi nợ/xuất khẩu(%)	4,1	19,9	18,4	9,4	17,5	16,4	14,2	9,8	

Nguồn:

- CEPAL: Mỹ Latinh và Caribe: Thống kê và chỉ số nợ nước ngoài. 1970-1993. Santiago de Chile, tr 21.
- CEPAL. Thống kê hàng năm về Mỹ Latinh và Caribe. Santiago de Chile, tr 770.
- IMP. World Economic Outlook. Washington DC, tháng 9-2000, tr 268.
- CEPAL. Báo cáo sơ bộ về kinh tế Mỹ Latinh và Caribe, Santiago de Chile, 2006, bảng A-1, A-14, A18, A-19.